



Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Liên bộ: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế xem xét, hướng dẫn giải quyết ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ**

THỨ TRƯỞNG

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Long

Bùi Hồng Lĩnh

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ);
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế (để b/c);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở LĐTBXH, Sở Y tế, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC Bộ LĐTBXH; VT, PC Bộ Y tế.



d) In ấn các tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động;

e) Phương tiện đi lại phục vụ cho việc điều tra tai nạn lao động;

g) Tổ chức cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động;

h) Các khoản chi phí nêu trên được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí sản xuất kinh doanh của cơ sở và là chi phí hợp lý khi tính thuế, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ sở, theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

i) Thực hiện các biện pháp khắc phục và giải quyết hậu quả do tai nạn lao động gây ra; tổ chức rút kinh nghiệm; thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị ghi trong Biên bản điều tra tai nạn lao động; xử lý theo thẩm quyền những người có lỗi để xảy ra tai nạn lao động.

Điều 14. Trách nhiệm của người bị nạn, người biết sự việc và người có liên quan đến vụ tai nạn lao động

1. Khai báo trung thực, đầy đủ tất cả những tình tiết mà mình biết về những sự việc có liên quan đến vụ tai nạn lao động theo yêu cầu của Đoàn điều tra tai nạn lao động và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những điều đã khai báo của mình.

2. Lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động được viết theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Thống kê và báo cáo tai nạn lao động

1. Đối với cơ sở:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được biên bản điều tra tai nạn lao động và biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động, cơ sở quản lý người bị tai nạn phải thống kê và báo cáo tai nạn lao động theo quy định:

a) Mỗi cơ sở đều phải có sổ thống kê tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này và phải tiến hành ghi đầy đủ các thông tin vụ tai nạn lao động đã xảy ra vào sổ thống kê tai nạn lao động theo nguyên tắc:

- Tất cả những vụ tai nạn lao động xảy ra đối với người lao động thuộc quyền quản lý phải được ghi chép vào sổ thống kê tai nạn lao động;

- Khi một người lao động bị nhiều hơn một vụ tai nạn lao động thì phải được ghi chép riêng từng vụ tai nạn lao động;

- Tất cả những vụ tai nạn lao động làm cho người lao động thuộc quyền quản lý phải nghỉ làm việc từ một ngày trở lên đều phải được thống kê. Nếu không để



tổ cáo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định tại Luật khiếu nại, tố cáo;

b) Trường hợp người khiếu nại, tố cáo không nhất trí với ý kiến trả lời của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giải quyết nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này mà vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo thì cơ quan có thẩm quyền cấp cao hơn thành lập Đoàn điều tra lại tai nạn lao động để tiến hành điều tra, theo nguyên tắc sau:

- Đoàn điều tra lại tai nạn lao động tiến hành điều tra theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 7 của Thông tư này, đồng thời thông báo bằng văn bản kết quả điều tra lại cho người khiếu nại hoặc tố cáo biết; trường hợp không tiến hành điều tra lại thì phải nêu rõ lý do;

- Đoàn điều tra lại tai nạn lao động cấp tỉnh điều tra lại vụ tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở đã điều tra;

- Đoàn điều tra lại tai nạn lao động cấp Trung ương điều tra lại vụ tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh đã điều tra. Kết luận của Đoàn điều tra lại tai nạn lao động cấp Trung ương là kết luận cuối cùng.

c) Cơ sở để xảy ra tai nạn và Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động cho Đoàn điều tra lại tai nạn lao động cấp tỉnh;

d) Đoàn điều tra lại tai nạn lao động tỉnh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động cho Đoàn điều tra lại tai nạn lao động cấp Trung ương;

đ) Thời hạn điều tra lại không quá 45 ngày, kể từ ngày công bố quyết định điều tra lại; không quá 60 ngày đối với các vụ tai nạn phức tạp hoặc xảy ra ở vùng sâu, vùng xa.

2. Biên bản điều tra tai nạn lao động trước sẽ hết hiệu lực pháp lý khi biên bản điều tra lại được công bố.

Điều 13. Trách nhiệm của người sử dụng lao động của cơ sở xảy ra tai nạn lao động

1. Kịp thời sơ cứu, cấp cứu người bị nạn.

2. Khai báo tai nạn lao động theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Giữ nguyên hiện trường những vụ tai nạn chết người, tai nạn nặng theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp phải cấp cứu người bị nạn, ngăn chặn những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra cho người khác mà làm xáo trộn hiện trường thì cơ sở phải vẽ lại sơ đồ hiện trường, lập biên bản, chụp ảnh, quay phim hiện trường (nếu có thể);

b) Chỉ được xóa bỏ hiện trường và mai táng tử thi (nếu có) sau khi đã hoàn



tới các cơ quan có thành viên trong Đoàn điều tra tai nạn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục An toàn lao động và Thanh tra Bộ), cơ sở xảy ra tai nạn lao động và các nạn nhân hoặc thân nhân người bị nạn.

3. Đối với Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp Trung ương:

a) Sau khi có quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn điều tra tai nạn lao động thông báo cho các cơ quan thuộc thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động được quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này để tham gia Đoàn điều tra tai nạn lao động;

b) Đoàn điều tra tai nạn lao động đến ngay nơi xảy ra tai nạn, yêu cầu người sử dụng lao động cung cấp các tài liệu, hồ sơ, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn chết người và phối hợp với cơ quan Công an huyện hoặc tỉnh tiến hành điều tra tại chỗ để lập biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm thương tích, thu thập dấu vết, vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn;

c) Thực hiện nội dung như đã nêu tại điểm b, c, khoản 2 Điều này.

d) Các thành viên tham gia dự họp có ý kiến chưa nhất trí với nội dung Biên bản điều tra tai nạn lao động thì được ghi ý kiến và ký tên của mình vào Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động; người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động uỷ quyền bằng văn bản phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động và thực hiện các kiến nghị của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp Trung ương.

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động, Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp Trung ương phải gửi (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) biên bản điều tra tai nạn lao động và biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động tới các cơ quan có thành viên trong Đoàn điều tra tai nạn lao động, Cục An toàn lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), cơ sở xảy ra tai nạn lao động và các nạn nhân hoặc thân nhân người bị nạn.

Điều 10. Thời hạn điều tra tai nạn lao động

1. Thời hạn điều tra vụ tai nạn lao động được tính từ thời điểm xảy ra tai nạn đến khi công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động:

- a) Không quá 02 ngày làm việc đối với tai nạn lao động nhẹ;
- b) Không quá 05 ngày làm việc đối với tai nạn lao động nặng;
- c) Không quá 15 ngày làm việc đối với tai nạn lao động làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên;
- d) Không quá 20 ngày làm việc đối với các vụ tai nạn lao động chết người



Điều 9. Quy trình điều tra tai nạn lao động

1. Đối với Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở:

a) Thu thập dấu vết, vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn lao động;
b) Lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đề nghị giám định kỹ thuật, giám định pháp y (nếu xét thấy cần thiết);

d) Trên cơ sở các lời khai, chứng cứ đã thu thập được, tiến hành xử lý, phân tích để xác định các nội dung cơ bản sau:

- Diễn biến của vụ tai nạn lao động;

- Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động (trong đó, phải ghi rõ tai nạn lao động xảy ra do lỗi của người sử dụng lao động hay người lao động hoặc do lỗi của cả người sử dụng lao động và người lao động, hoặc nguyên nhân khác không do lỗi của người sử dụng lao động và người lao động);

- Kết luận về vụ tai nạn lao động (trong đó, phải ghi rõ vụ tai nạn đó là tai nạn lao động hay là trường hợp tai nạn được coi là tai nạn lao động hoặc không phải là tai nạn lao động);

- Mức độ vi phạm và đề nghị hình thức xử lý đối với người có lỗi trong vụ tai nạn lao động;

- Các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tai nạn lao động tương tự hoặc tái diễn.

đ) Lập biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Tổ chức cuộc họp và lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 kèm theo Thông tư này, ngay sau khi hoàn thành điều tra.

Thành phần cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động gồm:

- Trưởng đoàn điều tra (Chủ trì cuộc họp);

- Người sử dụng lao động (Chủ cơ sở) hoặc người được người sử dụng lao động uỷ quyền bằng văn bản;

- Các thành viên Đoàn điều tra tai nạn lao động;

- Người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn;

- Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn



hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc Thoả thuận quốc tế mà cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ký kết có quy định khác; việc điều tra lại theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

c) Đối với trường hợp người lao động Việt Nam trong thời gian thực hiện nhiệm vụ ở nước ngoài (tham gia hội nghị, hội thảo, học tập ngắn hạn, nghiên cứu thực tế) mà bị tai nạn chết hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên thì trong thời hạn 05 ngày làm việc cơ sở quản lý người lao động bị tai nạn phải cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn cho Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh để xem xét và lập biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

Hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn gồm:

- Quyết định của cơ sở cử người lao động đi và chương trình tham gia hội nghị, hội thảo, học tập ngắn hạn, nghiên cứu thực tế ở nước ngoài;
- Bản dịch có chứng thực biên bản khám nghiệm hiện trường của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (kèm theo bản photo bản gốc);
- Bản dịch sơ đồ hiện trường của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (kèm theo bản photo bản gốc); ảnh hiện trường; ảnh nạn nhân;
- Bản dịch có chứng thực biên bản khám nghiệm tử thi hoặc khám nghiệm thương tích (kèm theo bản photo bản gốc);
- Bản dịch có chứng thực biên bản lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có);
- Bản dịch có chứng thực giấy chứng nhận tai nạn của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (kèm theo bản photo bản gốc);
- Bản dịch có chứng thực giấy chứng thương của bệnh viện nước ngoài (kèm theo bản photo bản gốc) hoặc giấy chứng thương của bệnh viện Việt Nam (nếu điều trị ở Việt Nam);
- Bản dịch có chứng thực giấy ra viện của bệnh viện nước ngoài (kèm theo bản photo bản gốc) hoặc giấy ra viện của bệnh viện Việt Nam (nếu điều trị ở Việt Nam).

3. Đoàn điều tra tai nạn cấp Trung ương:

Chịu trách nhiệm điều tra các vụ tai nạn chết người khi Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xét thấy cần thiết, theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ; điều tra lại các vụ tai nạn lao động đã được đoàn điều tra tai nạn cấp tỉnh điều tra, việc điều tra lại theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

4. Tai nạn lao động chết người hoặc làm từ hai người lao động bị tai nạn nặng trở lên, xảy ra trong các lĩnh vực nêu tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Thông tư



nạn nặng thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được tin báo tai nạn, cơ sở khác cử đi phải báo cho cơ sở quản lý người bị tai nạn đó biết. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được tin báo tai nạn, cơ sở quản lý người bị tai nạn phải khai báo với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, nơi cơ sở quản lý người bị tai nạn đặt trụ sở chính;

c) Nội dung khai báo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động

1. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở

a) Khi nhận được tin báo có tai nạn xảy ra tại cơ sở của mình, người sử dụng lao động phải thành lập ngay Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để tiến hành điều tra vụ tai nạn đó.

b) Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gồm:

- Người sử dụng lao động (chủ cơ sở) hoặc người được người sử dụng lao động uỷ quyền bằng văn bản, trưởng đoàn;
- Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn lâm thời hoặc đại diện tập thể người lao động khi cơ sở chưa thành lập tổ chức công đoàn, thành viên;
- Người làm công tác an toàn - vệ sinh lao động, thành viên;
- Cán bộ y tế của cơ sở, thành viên;
- Mời một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết).

2. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh

Ngay sau khi nhận được tin báo của cơ sở về tai nạn làm chết người hoặc làm tử hai người bị tai nạn nặng trở lên hoặc nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh ban hành quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này). Thành phần Đoàn gồm:

- a) Đại diện Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trưởng đoàn;
- b) Đại diện Sở Y tế, thành viên;
- c) Đại diện Liên đoàn Lao động tỉnh; thành viên;
- d) Mời đại diện Hội Nông dân tỉnh, thành viên (trường hợp tai nạn lao động xảy ra cho người lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp);



3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế có sử dụng lao động hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc Thoả thuận quốc tế mà cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ký kết có quy định khác.

Điều 3. Tai nạn lao động

1. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, bao gồm:

a) Tai nạn lao động xảy ra trong quá trình lao động gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động;

b) Tai nạn lao động xảy ra trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công của người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động uỷ quyền bằng văn bản trực tiếp quản lý lao động;

c) Tai nạn lao động xảy ra đối với người lao động khi đang thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cần thiết mà Bộ luật Lao động và nội quy của cơ sở cho phép (nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, làm vệ sinh kinh nguyệt, cho con bú, tắm rửa, đi vệ sinh).

2. Những trường hợp tai nạn được coi là tai nạn lao động xảy ra tại địa điểm và thời gian hợp lý, bao gồm:

a) Tai nạn xảy ra đối với người lao động khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở;

b) Tai nạn xảy ra cho người lao động Việt Nam trong khi thực hiện nhiệm vụ ở nước ngoài do người sử dụng lao động giao (tham dự hội nghị, hội thảo, học tập ngắn hạn, nghiên cứu thực tế).

Điều 4. Phân loại tai nạn lao động

1. Tai nạn lao động chết người là tai nạn mà người bị nạn chết ngay tại nơi xảy ra tai nạn hoặc chết trên đường đi cấp cứu; chết trong thời gian cấp cứu; chết trong thời gian đang điều trị; chết do tái phát của chính vết thương do tai nạn lao động gây ra (theo kết luận tại biên bản khám nghiệm pháp y).

2. Tai nạn lao động nặng là tai nạn mà người bị nạn bị ít nhất một trong những chấn thương được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tai nạn lao động nhẹ là tai nạn mà người bị nạn không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Khai báo tai nạn lao động

1. Khi xảy ra tai nạn đối với người lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi quản lý của cơ sở hoặc khi thực hiện công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công của người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động uỷ



II. PHẦN KHÁM SỨC KHOẺ

Nội dung khám	Năm.....	Năm.....	Năm.....	Năm.....	Năm.....
1. Thể lực: cao: cm, Cân nặng: kg Y/Bs. Khám ký tên					
2. Mắt Y/Bs. Khám ký tên					
3. Tai, mũi, họng Y/Bs. Khám ký tên					
4. Răng hàm mặt Y/Bs. Khám ký tên					
5. Tâm thần, thần kinh Y/Bs. Khám ký tên					
6. Tuần hoàn HA: / mmHg Mạch: l/p Y/Bs. Khám ký tên					
7. Hô hấp Y/Bs. Khám ký tên					
8. Tiêu hoá Bs. Khám ký tên					
9. Tiết niệu/Phụ khoa Y/Bs. Khám ký tên					
10. Hệ vận động Y/Bs. Khám ký tên					
11. Ngoài da Y/Bs. Khám ký tên					
12. Nét ti ốt Y/Bs. Khám ký tên					
13. U các loại Y/Bs. Khám ký tên					
14. Kết quả cận lâm sàng (nếu có) a. b. c.					
Kết luận và kiến nghị - Các bệnh cần điều trị, theo dõi: - Có cần khám bệnh nghề nghiệp không: - Sức khoẻ thuộc loại:					
Ngày..... tháng..... năm 200..... Thủ trưởng đơn vị khám (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức danh)					



PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2000/TT-BYT ngày 28 tháng 04 năm 2000)

SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ
KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ
SỐ HỒ SƠ.....

Họ và tên: _____
Nơi làm việc: _____
Tên đơn vị: _____
Tỉnh/Thành phố: _____

Năm



PHỤ LỤC SỐ 2
QUY ĐỊNH VỀ TÚI CẤP CỨU BAN ĐẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2000/TT-BYT ngày 28 tháng 04 năm 2000)

1. Vị trí đặt túi/hộp cấp cứu ban đầu:

- Đặt tại nơi làm việc của người lao động.
- Đặt nơi dễ thấy nhất, dễ lấy, có ký hiệu riêng (thường là chữ thập).
- Thông báo cho người lao động biết vị trí và quy định cách sử dụng.

2. Các trang bị, dụng cụ và thuốc cho túi cấp cứu

- Các túi cấp cứu phải có đủ số lượng trang bị dụng cụ cần thiết để cấp cứu.
Không được để các thứ khác.

- Phải kiểm tra các túi cấp cứu thường xuyên để đảm bảo số lượng đầy đủ các dụng cụ.

STT	Các trang bị tối thiểu	Túi A (cho 25 công nhân)	Túi B (cho 50 công nhân)	Túi C (cho 100 công nhân)
1	Băng dính cuộn	02	02	04
2	Băng 5 x 200 cm (cuộn)	02	04	06
3	Băng trung bình 10 x 200 cm (cuộn)	02	04	06
4	Băng to 15 x 200 cm (cuộn)	01	02	04
5	Gạc thấm nước (10 miếng/gói)	01	02	04
6	Băng hút nước (gói)	05	07	10
7	Băng tam giác (cái)	04	04	06
8	Garô cao su cỡ 6 x 100 cm (cái)	02	02	04
9	Garô cao su cỡ 4 x 100 cm (cái)	02	02	04
10	Kéo	01	01	01
11	Panh không mấu	04	04	06
12	Găng tay dùng một lần (đôi)	02	02	04
13	Mặt nạ phòng độc thích hợp	01	01	02
14	Nước vô khuẩn hoặc dung dịch nước muối trong các bình chứa dung một lần kích thước 100ml (không có nước máy)	01	03	06
15	Nẹp cánh tay (bộ)	01	01	01
16	Nẹp cẳng tay (bộ)	01	01	01



- Sở Y tế tỉnh (Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh), Trung tâm Y tế Lao động Bộ/ngành báo cáo về Bộ Y tế (Vụ Y tế Dự phòng) theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Thông tư này, trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt để tổ chức phổ biến, chỉ đạo các cấp thực hiện Thông tư này trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng trên địa phương.

2. Các Bộ, các ngành, các cơ quan sử dụng lao động hướng dẫn đôn đốc các cơ sở thuộc quyền quản lý thực hiện đúng những quy định về việc chăm sóc sức khỏe cho người lao động ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3. Người sử dụng lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc chăm sóc sức khỏe người lao động được quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị và các địa phương phản ánh về Bộ Y tế (Vụ Y tế dự phòng) để nghiên cứu và kịp thời giải quyết.



định kỳ phải đưa ra các khuyến nghị để người sử dụng lao động giải quyết các chế độ điều trị, điều dưỡng phục hồi chức năng cho người lao động có dấu hiệu bệnh và các biện pháp khả thi cải thiện môi trường lao động theo các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn lao động.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương để tổ chức kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước về bảo vệ sức khỏe người lao động.

6. Tổ chức tuyên truyền giáo dục huấn luyện về an toàn sức khỏe cho người lao động làm việc trong địa bàn quản lý, chú trọng đến phòng chống nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật và các yếu tố độc hại phát sinh trong quá trình sản xuất.

7. Tổng hợp kế hoạch y tế lao động của phường, xã, thị trấn báo cáo lên Sở Y tế tỉnh, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh.

D. TRÁCH NHIỆM CỦA TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hàng năm trong việc chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho tuyến dưới về công tác an toàn, sức khỏe lao động.

3. Hướng dẫn xét nghiệm, kiểm tra môi trường lao động và hoàn chỉnh các hồ sơ theo quy định.

4. Quản lý, hướng dẫn công tác khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp cho người lao động tại các cơ sở nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp.

5. Hướng dẫn nội dung tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về an toàn sức khỏe cho tuyến quận, huyện, các cơ sở y tế. Cần chú trọng đến phòng chống nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật.

6. Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các chế độ báo cáo của các tuyến và tổng hợp báo cáo gửi lên tuyến trên.

7. Hàng năm tổng kết rút kinh nghiệm về việc tổ chức chăm sóc sức khỏe cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

E. TRÁCH NHIỆM CỦA TRUNG TÂM Y TẾ LAO ĐỘNG CỦA CÁC BỘ/NGÀNH

1. Phối hợp chặt chẽ với y tế các địa phương để cùng tiến hành những công việc chung của ngành trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp.



phải có đủ các phương tiện vệ sinh bao gồm: Phòng vệ sinh, có đủ nước sạch, có nơi tắm rửa, nơi nghỉ và nhà ăn sạch sẽ hợp vệ sinh. Mỗi doanh nghiệp xây dựng một góc sức khoẻ là nơi mà người lao động có thể đọc các loại sách, tờ rơi, tranh áp phích tuyên truyền phòng bệnh và sử dụng các túi cấp cứu. Nếu doanh nghiệp có điều kiện có thể bố trí phòng riêng.

IV. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

A. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP

1. Theo quy định của Thông tư Liên tịch số 14/1998/TTLT ngày 13/10/1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế và Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam thì việc bố trí cán bộ y tế để chăm sóc sức khoẻ người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ như sau:

- Nếu doanh nghiệp đã có bác sĩ, y sĩ, hoặc có trạm y tế doanh nghiệp thì giữ nguyên để phục vụ.
- Đối với các doanh nghiệp cỡ vừa chưa có cán bộ y tế thì phải bố trí 01 cán bộ y tế.
- Đối với doanh nghiệp cỡ nhỏ chưa đủ điều kiện sử dụng 01 cán bộ y tế để chăm sóc sức khoẻ người lao động thì có thể hợp đồng với cán bộ y tế tại Trạm Y tế, cán bộ y tế đã nghỉ hưu,... làm theo các ngày giờ quy định, nhưng phải đăng ký với Trung tâm y tế huyện để chịu sự chỉ đạo chung. Cán bộ y tế có thể làm thêm nhiệm vụ một số công việc khác để phù hợp trong quản lý lao động của doanh nghiệp.
- Tổ chức mạng lưới an toàn, vệ sinh viên tại doanh nghiệp thực hiện cấp cứu tại chỗ khi có tai nạn.

2. Cán bộ y tế chăm sóc sức khoẻ người lao động ở doanh nghiệp phải được tập huấn về chương trình an toàn, vệ sinh lao động do Đội Y tế dự phòng thuộc Trung tâm y tế huyện, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm y tế lao động ngành hoặc các cơ sở đào tạo hướng dẫn.

3. Cán bộ y tế phục vụ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ chịu sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn của trạm y tế phường, xã, thị trấn và của Trung tâm y tế huyện (Đội Y tế dự phòng) đối với công tác y tế lao động.

4. Doanh nghiệp phải thực hiện tốt việc chăm sóc sức khoẻ ban đầu, cấp cứu kịp thời, khám chữa bệnh thông thường cho người lao động, tuyên truyền giáo dục công tác phòng bệnh cho người lao động.



có các yếu tố có hại phải có nội quy viết rõ ràng và đặt tại nơi dễ thấy. Những nơi làm việc có các yếu tố gây bệnh nghề nghiệp thì phải thông báo cho người lao động biết biện pháp dự phòng để người lao động tự phòng tránh.

2. Học tập về an toàn, vệ sinh lao động: Hàng năm, người quản lý lao động phải tổ chức tập huấn cho người lao động về ảnh hưởng của các yếu tố phát sinh trong môi trường lao động đối với sức khỏe để họ tự bảo vệ và phòng tránh tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp. Nội dung huấn luyện cho người lao động do Đội Y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh), Trung tâm Y tế Lao động ngành đảm nhiệm theo quy định tại Thông tư này (Phụ lục số 1).

3. Tổ chức cấp cứu: Người sử dụng lao động phải tổ chức tốt việc cấp cứu tại doanh nghiệp. Những người làm công tác cấp cứu phải được tập huấn nghiệp vụ và có giấy chứng nhận do Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung ương, Trung tâm Y tế Lao động Bộ/ngành, Trung tâm y tế huyện, thị, quận (sau đây gọi chung là huyện) cấp. Mỗi phân xưởng phải có túi thuốc cấp cứu ban đầu theo danh mục quy định tại Thông tư này (Phụ lục số 2). Các quy định cấp cứu được trình bày, hướng dẫn tại nơi làm việc để người lao động biết xử trí.

4. Lập hồ sơ vệ sinh lao động: Mỗi doanh nghiệp phải có hồ sơ lao động theo mẫu quy định tại Thông tư số 13/TT-BYT ngày 21/10/1996. Các kết quả xét nghiệm, kiểm tra môi trường lao động và khám sức khỏe định kỳ được bổ sung hàng năm vào Hồ sơ vệ sinh lao động.

5. Xét nghiệm, kiểm tra môi trường lao động: Hàng năm doanh nghiệp phải tổ chức xét nghiệm, kiểm tra môi trường lao động, đánh giá mức độ có hại của môi trường lao động để doanh nghiệp có biện pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động. Kết quả xét nghiệm, kiểm tra môi trường lao động thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/BYT-TT ngày 21/10/1996 và được phân cấp như sau:

- Đối với doanh nghiệp có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp thì do Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh thực hiện.

- Đối với các doanh nghiệp khác thì Đội Y tế dự phòng thuộc Trung tâm y tế huyện thực hiện.

Đội y tế dự phòng thống kê, lập danh sách các loại doanh nghiệp và đề nghị Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh phối hợp thực hiện.

6. Khám sức khỏe tuyển dụng: Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; người sử dụng lao động phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp. Hồ sơ khám sức khỏe tuyển dụng phải được lưu giữ 01 bản trong hồ sơ



9.4. Thống kê danh sách các cơ sở công bố thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động trên địa bàn

TT	Tên cơ sở công bố thực hiện	Địa chỉ liên hệ, ĐT, Phone, Fax	Số lượng cán bộ	Số cơ sở lao động thực hiện đo kiểm tra MTLĐ trong kỳ báo cáo	Nhận xét
1					
2					
3					
...					
	Tổng cộng				

THỦ TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

NGƯỜI BÁO CÁO



VIII. TÌNH HÌNH KHÁM ĐỊNH KỲ VÀ PHÁT HIỆN, GIÁM ĐỊNH BỆNH NGHỀ NGHIỆP

8.1. Số cơ sở sản xuất có khám sức khoẻ định kỳ/tổng số cơ sở:

8.2. Phân loại sức khoẻ:

Giới tính	Khám SKĐK					
	Số người	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
Nam						
Nữ						
Tổng cộng						

8.3. Kết quả khám phát hiện bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo:

TT	Tên các bệnh nghề nghiệp	TS khám BNN	TS nghi mắc BNN	TS giám định	TS hưởng trợ cấp 1 lần	TS hưởng trợ cấp thường xuyên	Cộng dồn đến thời điểm báo cáo
1	Bệnh bụi phổi silic NN (BP-silic)						
2	Bệnh bụi phổi Atbet (BP-amiăng)						
3	Bệnh bụi phổi bông (BP-bông)						
4	Bệnh viêm phế quản mạn tính (VPQNN)						
5	Bệnh hen phế quản mạn tính						
6	Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất						
7	Bệnh nhiễm độc benzen và các hợp chất						
8	Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các h/ chất						
9	Bệnh nhiễm độc mangan và các hợp chất						
10	Bệnh nhiễm độc TNT						
11	Bệnh nhiễm độc asen và các hợp chất						
12	Bệnh nhiễm độc Nicotine NN						
13	Bệnh nhiễm độc hoá chất trừ sâu NN						
14	Bệnh nhiễm độc CO						
15	Bệnh do quang tuyến X và các chất PX						
16	Bệnh điếc do tiếng ồn (điếc NN)						
17	Bệnh rung chuyển nghề nghiệp						



8. Khách sạn nhà hàng								
9. Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc								
10. Tài chính, tín dụng								
11. Hoạt động khoa học, công nghệ								
12. Quản lý nhà nước, an ninh q/ phòng								
13. Giáo dục và đào tạo								
14. Y tế và các hoạt động cứu trợ XH								
15. Hoạt động văn hóa xã hội								
16. Các hoạt động khác								
Tổng cộng								

* Nếu có nhiều nghề trong một cơ sở sản xuất, lấy tên nghề chính (sản xuất sản phẩm chủ yếu hoặc chiếm trên 50% số công nhân)



PHỤ LỤC 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT
ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG Y TẾ LAO ĐỘNG 6 THÁNG/NĂM _____

(Mẫu báo cáo của Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động môi trường tỉnh, thành phố, Bộ, ngành báo cáo hoạt động Y tế lao động về Bộ Y tế)

Sở Y tế tỉnh/thành phố: _____

Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Bảo vệ
sức khỏe lao động môi trường tỉnh, thành phố/ngành: _____

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY

1.1. Công tác tổ chức về y tế lao động:

- Tình hình thực hiện tổ chức theo Quyết định 05/2006/BYT-QĐ:

+ Thành lập Khoa Y tế Lao động độc lập

Có ☐ Không ☐

+ Phòng Khám bệnh nghề nghiệp

Có ☐ Không ☐

+ Quyết định thành lập Phòng Khám bệnh nghề nghiệp

Có ☐ Không ☐

+ Hoạt động của Phòng Khám bệnh nghề nghiệp

Đã hoạt động Chưa ☐

- Tổng số cán bộ chuyên trách về công tác YTLĐ-BNN: _____ Trong đó:

Số BS	Số DS	Số ĐH	Số trung cấp	Số CB khác	Số giám định viên BNN

1.2. Tình hình thực hiện một số thông tư của Bộ Y tế.

TT	Văn bản pháp quy	Phổ biến (Đã/chưa)	Số quận huyện được tập huấn	Số cơ sở được phổ biến	Số cơ sở triển khai thực hiện
1	Thông tư số 19/2011/TT-BYT				*
2	Thông tư liên tịch số 08/TTLT				
3	Thông tư 09/2000/TT-BYT				
4	Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT				
5	Thông tư 12/2006/TT-BYT				
6	Thông tư 13/2007/TT-BYT				
7	Chỉ thị 07/CT-BYT				
8	Thông tư 01/2011/TTLT-YT-LĐ				

* Số cơ sở được lập hồ sơ vệ sinh lao động theo thông tư số 19/2011/TT-BYT.

II. TÌNH HÌNH CƠ SỞ, TRANG THIẾT BỊ VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP CỦA TRUNG TÂM

(Rà soát và báo cáo toàn bộ số máy móc hiện có theo Chuẩn Y tế dự phòng về mảng y tế lao động đến thời điểm báo cáo - Đính kèm một trang riêng).



6.2. Phân loại sức khỏe:

Giới tính	Khám SKĐK					
	Số người	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
Nam						
Nữ						
Tổng cộng						

6.3. Kết quả khám phát hiện bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo:

TT	Tên các bệnh nghề nghiệp	TS khám BNN	TS nghi mắc BNN	TS giám định	TS hưởng trợ cấp 1 lần	TS hưởng trợ cấp thường xuyên	Cộng dồn đến thời điểm báo cáo
1	Bệnh bụi phổi silic NN (BP-silic)						
2	Bệnh bụi phổi Atbet (BP-amiăng)						
3	Bệnh bụi phổi bông (BP-bông)						
4	Bệnh viêm phế quản mạn tính (VPQNN)						
5	Bệnh hen phế quản mạn tính						
6	Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất						
7	Bệnh nhiễm độc benzen và các hợp chất						
8	Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các h/ chất						
9	Bệnh nhiễm độc mangan và các hợp chất						
10	Bệnh nhiễm độc TNT						
11	Bệnh nhiễm độc asen và các hợp chất						
12	Bệnh nhiễm độc Nicotine NN						
13	Bệnh nhiễm độc hoá chất trừ sâu NN						
14	Bệnh nhiễm độc CO						
15	Bệnh do quang tuyến X và các chất PX						
16	Bệnh điếc do tiếng ồn (điếc NN)						
17	Bệnh rung chuyển nghề nghiệp						
18	Bệnh giảm áp mạn tính nghề nghiệp						
19	Bệnh sạm da nghề nghiệp						
20	Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc						
21	Bệnh nốt dầu nghề nghiệp						
22	Bệnh viêm loét da, móng và quanh móng						
23	Bệnh lao nghề nghiệp						



PHỤ LỤC 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT
ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG Y TẾ LAO ĐỘNG 6 THÁNG/NĂM _____

(Mẫu báo cáo của Trung tâm y tế huyện báo cáo hoạt động Y tế lao động về Trung tâm y tế
dự phòng/ Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ)

Sở Y tế tỉnh/thành phố: _____

Trung tâm Y tế quận/ huyện/ thị xã: _____

I. ĐÀO TẠO CHO CÁN BỘ Y TẾ CƠ SỞ VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG (cho các đối tượng công nhân, cán bộ quản lý cơ sở sản xuất) - đính kèm một trang riêng:

TT	Nội dung	Số lớp đào tạo	Số cơ sở xí nghiệp	Tổng số học viên
1	An toàn vệ sinh lao động cho cán bộ y tế			
2	An toàn vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý doanh nghiệp			
3	An toàn vệ sinh lao động cho người lao động			
4	Phòng chống bệnh nghề nghiệp			
5	Nâng cao sức khỏe nơi làm việc			
6	Nội dung khác			
	-			
	Tổng cộng			

II. CƠ SỞ SẢN XUẤT TRONG PHẠM VI ĐANG QUẢN LÝ (yêu cầu báo cáo nếu có sự thay đổi)

Loại cơ sở sản xuất	Số cơ sở		Số CBCNV		Tổng số CB YT	Số cơ sở có BS và DS	Số cơ sở có tổ chức y tế				
	Tổng số	Ngoài QĐ	Tổng số	Số nữ			Có trạm y tế	Có cán bộ y tế	Thuê hợp đồng	Chưa có CBYT	Khác
Trên 200 CN											
51-200 CN											
Dưới 50 CN											
Tổng cộng											

III. PHÂN BỐ CÔNG NHÂN THEO NGÀNH NGHỀ (yêu cầu báo cáo nếu có sự thay đổi)

Loại ngành nghề	Cơ nhỏ dưới 50 CN		Cơ vừa 51-200 CN		Cơ lớn > 200 CN		Tổng số	
	Số cơ sở	Số CN	Số cơ sở	Số CN	Số cơ sở	Số CN	Số cơ sở	Số CN
1. Nông nghiệp và lâm nghiệp								
2. Thủy sản								



F. Tổng số trường hợp đến khám chữa bệnh trong quý: _

Trong đó có các loại bệnh:

TT	Nhóm bệnh	Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
1	Lao phổi								
2	Ung thư phổi								
3	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp								
4	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản mãn								
5	Viêm phế quản cấp								
6	Viêm phế quản mãn								
7	Viêm phổi								
8	Hen phế quản, giãn phế quản, dị ứng								
9	Ỉa chảy, viêm dạ dày, ruột do NT								
10	Nội tiết								
11	Bệnh tâm thần								
12	Bệnh thần kinh tr/ương và ngoại biên								
13	Bệnh mắt								
14	Bệnh tai								
15	Bệnh tim mạch								
16	Bệnh dạ dày, tá tràng								
17	Bệnh gan, mật								
18	Bệnh thận, tiết niệu								
19	Bệnh phụ khoa/số nữ								
20	Sảy thai/số nữ có thai								
21	Bệnh da								
22	Bệnh cơ, xương khớp								
23	Bệnh nghề nghiệp								
24	Bệnh sốt rét								
25	Các loại bệnh khác (Ghi rõ cụ thể)								
	-								
									
26	Số lao động bị tai nạn								
	Tổng cộng								



PHỤ LỤC 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT
ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG Y TẾ CƠ SỞ

Báo cáo quý..... năm

Điền đủ các mục trong báo cáo

(Báo cáo gửi về Trung tâm Y tế dự phòng tuyến Quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh và Trung tâm Y tế Bộ, ngành đối với trường hợp cơ sở lao động trực thuộc Y tế Bộ, ngành)

Tên cơ sở lao động:

Trực thuộc tỉnh/thành phố:

Địa chỉ:

Mặt hàng sản xuất, dịch vụ chính:

A. Số người lao động: Tổng số: trong đó nữ:

1. Tổng số người lao động trực tiếp sản xuất: trong đó nữ:

2. Số cán bộ y tế:

B. Điều kiện lao động và số lao động tiếp xúc với yếu tố độc hại, nguy hiểm

Yếu tố độc hại	Số đo mẫu	Số mẫu vượt TC VSLĐ	Số lao động tiếp xúc	Số nữ tiếp xúc
1. Vi khí hậu				
2. Bụi				
3. Tiếng ồn, rung				
4. Ánh sáng				
5. Hoá chất độc				
.....				
6. Vi sinh vật				
7. Nặng nhọc, căng thẳng thần kinh				
8. Yếu tố khác (là gì)				
.....				
.....				
.....				



PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT
ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

Tên đơn vị _____
Tỉnh, Thành phố _____
Số: / _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢN KÊ KHAI VÀ CÔNG BỐ NĂNG LỰC CÁN BỘ, TRANG THIẾT BỊ CỦA ĐƠN VỊ ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Tên đơn vị:

Địa chỉ trụ sở giao dịch chính:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ e-mail: Web-site:

1. KÊ KHAI NHÂN LỰC VÀ TRANG THIẾT BỊ

1.1. Danh sách cán bộ làm việc tại đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động

TT	Họ và tên/Đơn vị công tác	Trình độ	Học vị, chức danh	Chứng nhận tập huấn về giám sát MTLĐ, VSLĐ, BNN	Chữ ký
1					
2					
3					
...					

* Đề nghị ghi rõ các trường hợp trùng tập.

1.2. Danh mục trang thiết bị hiện có của đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động

TT	Tên trang thiết bị/Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

1.3. Bản sao thiết kế mặt bằng của đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động



PHỤ LỤC 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ NĂNG LỰC ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

STT	Nội dung				Số lượng
I	Cơ sở vật chất				
1)	Phòng hành chính tiếp nhận và xử lý sơ bộ mẫu				01
2)	Phòng xét nghiệm bụi và hóa vô cơ				01
3)	Phòng xét nghiệm sinh hóa, độc chất và vi sinh				01
4)	Bộ phận đánh giá tâm sinh lý lao động và ec-gô-nô-my				01
II.	Trang thiết bị thông thường				
1)	Tủ lưu hồ sơ				02
2)	Bộ bàn ghế				02
3)	Bộ bàn ghế vi tính				01
4)	Máy vi tính				01 bộ
5)	Khăn trải bàn				04 bộ
6)	Tủ sấy dụng cụ				01
7)	Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế				01
8)	Các bảng treo: Quy định của phòng xét nghiệm				02
9)	Dung dịch sát trùng: nước rửa, nước tẩy, cồn iốt, cồn sát trùng, ête, xà phòng...				Theo quy định của Bộ Y tế
10)	Dụng cụ bảo vệ: Khẩu trang, áo, mũ, găng tay các loại,...				
III.	Trang thiết bị xét nghiệm, đo kiểm tra môi trường lao động				
TT	Tên thiết bị	Số lượng	TT	Tên thiết bị	Số lượng
1)	Cân Roberval 1,0 g	01 bộ	19)	Máy đo bụi trọng lượng HH	01 bộ
2)	Cân kỹ thuật 100 mg	01 bộ	20)	Máy đo bụi trọng lượng TP	01 bộ
3)	Tủ lạnh	01	21)	Máy đo nhiệt độ Cata	01 bộ
4)	Tủ bảo ôn	01	22)	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	01 bộ
5)	Tủ sấy nhỏ 250 ^o C	01	23)	Máy đo độ ồn	01 bộ
6)	Nồi hấp điện	01	24)	Ấm kế Assman	01 bộ
7)	Máy ly tâm	01 bộ	25)	Máy lấy mẫu không khí	01 bộ
8)	Máy hút chân không	01 bộ	26)	Máy đo hơi khí độc	01 bộ
9)	Máy đo ánh sáng	01 bộ	27)	Máy đo độ rung	01 bộ
10)	Máy đo cường độ phóng xạ	01 bộ	28)	Máy phát hiện nhanh HKĐ	01 bộ
11)	Máy đo độ ẩm	01 bộ	29)	Liều kế cá nhân	01 bộ



PHỤ LỤC 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2011
của Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ CẤP CỨU TAI NẠN LAO ĐỘNG

Tên cơ sở lao động: _____

Ngành chủ quản: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Số Fax: _____

E-mail: _____ Web-site: _____

Người liên hệ: _

Người lập hồ sơ: _

Năm _



Họ tên bệnh nhân: _____

nam ☐ nữ ☐

Sinh ngày ____ tháng ____ năm ____

Quê quán: _____

Địa chỉ thường trú: _____

Làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:

Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ đến ngày ____ tháng ____ năm ____

Nghề, công việc làm: _____

Tại đơn vị làm việc: Tổ: _____ Đội: _____ Phân xưởng, khu vực: _____

Điều kiện làm việc (Ghi rõ yếu tố tiếp xúc nặng nhọc độc hại nguy hiểm):

Kết luận của Hội đồng giám định y khoa số: _____ ngày ____ tháng ____ năm ____

Mức độ suy giảm khả năng lao động:

Sổ trợ cấp được cấp ngày ____ tháng ____ năm ____ Số sổ trợ cấp: _____

Các bệnh thương tật khác nếu có:



Biểu mẫu 8: DANH SÁCH CÔNG NHÂN MẮC BỆNH NGHỀ NGHIỆP

TT	Tên bệnh nhân	Tuổi	Nghề khi bị BNN	Tuổi nghề	Ngày phát hiện BNN	Tên BNN	Tỷ lệ mất KNLD	Công việc hiện nay
1.								
2.								
3.								
...								
Tổng số bệnh nhân								



Biểu mẫu 6: QUẢN LÝ BỆNH MẠN TÍNH THEO TỪNG BỆNH

Tên bệnh*: _

[illegible]

(*) Mỗi loại bệnh vào 1 trang riêng biệt



**Biểu mẫu 4: QUẢN LÝ SỨC KHOẺ CÔNG NHÂN
QUA KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ**

Ngày, tháng, năm	Số khám SKĐK	Tổng cộng	Phân loại sức khỏe				
			I	II	III	IV	V
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						
	Nam:						
	Nữ:						



Biểu mẫu 2: TÌNH HÌNH BỆNH TẬT TRONG QUÝ

1. Số lượt người nghỉ ốm trong quý: _
2. Tổng số ngày nghỉ ốm trong quý: _
3. Phân loại bệnh những bệnh đến khám trong quý:
 - 3.1. Tổng số trường hợp đến khám trong quý: _
 - 3.2. Trong đó mắc từng loại bệnh như sau:

TT	Nhóm bệnh	Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
1	Lao phổi								
2	Ung thư phổi								
3	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp								
4	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản mãn								
5	Viêm phế quản cấp								
6	Viêm phế quản mãn								
7	Viêm phổi								
8	Hen phế quản, giãn phế quản, dị ứng								
9	Ỉa chảy, viêm dạ dày, ruột do NT								
10	Nội tiết								
11	Bệnh tâm thần								
12	Bệnh thần kinh tr/ương và ngoại biên								
13	Bệnh mắt								
14	Bệnh tai								
15	Bệnh tim mạch								
16	Bệnh dạ dày, tá tràng								
17	Bệnh gan, mật								
18	Bệnh thận, tiết niệu								
19	Bệnh phụ khoa/số nữ								
20	Sảy thai/số nữ có thai								
21	Bệnh da								
22	Bệnh cơ, xương khớp								
23	Bệnh nghề nghiệp								
24	Bệnh sốt rét								
25	Các loại bệnh khác (Ghi rõ cụ thể)								
	-								
									
26	Số lao động bị tai nạn								
	Tổng cộng								



Phụ lục 3

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2011
của Bộ Y tế)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỒ SƠ QUẢN LÝ
SỨC KHOẺ VÀ BỆNH TẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tên cơ sở lao động: _____

Ngành chủ quản: _

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _ Số Fax: _____

E-mail: _____ Web-site: _____

Người liên hệ: _

Năm _



TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT	Yếu tố đo, kiểm tra	Tổng số mẫu		Số mẫu đạt TC VSLĐ		Số mẫu vượt TC VSLĐ	
1	Nhiệt độ						
2	Độ ẩm						
3	Tốc độ gió						
4	Ánh sáng						
5	Bụi	Silic	Khác	Silic	Khác	Silic	Khác
	- Bụi toàn phần						
	- Bụi hô hấp						
6	Ồn						
7	Rung						
8	Hơi khí độc						
	- -						
	- -						
	- -						
	...						
9	Phóng xạ						
10	Từ trường						
11	Yếu tố khác						
	- -						
	- -						
	- -						
	...						
	Tổng cộng						



IV. HƠI KHÍ ĐỘC (ghi giá trị thực của mẫu đo được)

[illegible]

1. Bụi có chứa silic

[illegible]

-297-

2. Tiếng ồn (dBA) (ghi giá trị thực của mẫu đo được)

[illegible]

Tổng hợp kết quả đo: Tổng số mẫu ổn: _____

Tổng số mẫu vượt TC VSLĐ:_____

Mùa tại thời điểm đo:

-293-



Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT
ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI
TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

(Được lưu giữ cùng với Hồ sơ Vệ sinh lao
động tại Phụ lục 1 sau khi bổ sung hàng
năm)

Ngày tháng năm _

Tại: _

Năm _



PHẦN IV

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG ĐỊNH KỲ
 Đăng ký kiểm tra lần thứ:

- Ngày, tháng, năm kiểm tra: _____
- Các phân xưởng, khu vực làm việc đã được đăng ký: _____

- Các yếu tố đã được kiểm tra: _____

- Các phân xưởng, khu vực làm việc chưa được kiểm tra: _____

Giám đốc cơ sở lao động

Cơ quan kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG ĐỊNH KỲ
 Đăng ký kiểm tra lần thứ:.....

- Ngày, tháng, năm kiểm tra: _____
- Các khu vực, phân xưởng đã được đăng ký: _____

- Các yếu tố đã được kiểm tra: _____

- Các khu vực, phân xưởng chưa được kiểm tra: _____

Giám đốc cơ sở lao động

Cơ quan kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)



PHẦN II
VỆ SINH LAO ĐỘNG CÁC PHÂN XƯỞNG, KHU VỰC LÀM VIỆC
(Mỗi phân xưởng, khu vực 1 trang)

1. Tên phân xưởng, khu vực làm việc: _____

2. Quy mô và nhiệm vụ: _____

3. Thay đổi, cải tạo, mở rộng: _____

4. Môi trường lao động và số lao động tiếp xúc với các yếu tố độc hại:

Yếu tố độc hại	Tổng số mẫu	Số mẫu vượt TC VSLĐ	Số người tiếp xúc	Trong đó số nữ	Ghi chú
Vi khí hậu					
Yếu tố bụi - Bụi trọng lượng. - Bụi hô hấp.					
Ồn					
Rung					
Ánh sáng					
Nặng nhọc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh					
Các yếu tố hoá học _____ _____					
Các yếu tố vi sinh _____ _____					
Các yếu tố khác _____ _____ _____					



- Số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng sử dụng trong 01 năm:

+ Nguyên liệu: _____

+ Nhiên liệu: _____

+ Năng lượng: _____

- Số lượng, chủng loại các chất thải công nghiệp/sản xuất (lỏng, rắn, khí, bụi, vi sinh) trong 24 giờ:

- Các công trình thiết bị xử lý chất thải công nghiệp/sản xuất:

- Các công trình khác:

+ Công trình vệ sinh (Bình quân 1 hố xí/số NLĐ/1 ca):_

+ Nhà tắm (Bình quân 1 vòi tắm/số NLĐ/1 ca): _____

+ Nhà nghỉ giữa ca: không [] có [] Số chỗ:_

+ Nhà ăn: không [] có [] Số chỗ:_

5. Vệ sinh môi trường lao động

- Các yếu tố có hại có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở lao động

(nguồn gây ô nhiễm; các khu vực ảnh hưởng)

- Các giải pháp hiện có xử lý yếu tố nguy hại trong môi trường lao động:



Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT
ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số hồ sơ:/VSLĐ
(Do đơn vị lập hồ sơ cấp)

**HỒ SƠ
VỀ SINH LAO ĐỘNG**

Tên cơ sở lao động: _____
Ngành sản xuất: _____
Đơn vị chủ quản: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại: _____ Số Fax: _____
E-mail: _____ Web-site: _____
Người quản lý hồ sơ: _____

Đơn vị lập hồ sơ: _____
Địa chỉ: _____
Ngày lập hồ sơ: _____
Điện thoại: Số Fax: _____
E-mail: _____ Web-site: _____
Người lập hồ sơ: _____

Năm: _____



3. Tổng hợp số liệu và báo cáo Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Quản lý môi trường y tế (Bộ Y tế) về công tác quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp thuộc địa bàn quản lý;

4. Phối hợp với các Viện thuộc hệ y tế dự phòng để tổ chức các lớp tập huấn về giám sát môi trường lao động, sức khỏe lao động, bệnh nghề nghiệp.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo, tổ chức và phân cấp việc thực hiện công tác quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp thuộc phạm vi được giao quản lý;

2. Định kỳ hằng quý và đột xuất kiểm tra giám sát hoạt động của các đơn vị thực hiện việc đo, kiểm tra môi trường lao động trên địa bàn, báo cáo và kiến nghị với Bộ Y tế rút tên khỏi danh mục các đơn vị đủ điều kiện thực hiện việc đo, kiểm tra môi trường lao động đối với các đơn vị không đủ điều kiện so với hồ sơ đăng ký;

3. Phối hợp với các Viện thuộc hệ y tế dự phòng và các trường Đại học y để tổ chức các lớp tập huấn về giám sát môi trường lao động, sức khỏe lao động, bệnh nghề nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các Viện thuộc hệ y tế dự phòng và các Trường đại học chuyên ngành Y khoa

1. Kiểm tra, chỉ đạo về chuyên môn kỹ thuật đối với các đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động trong phạm vi được giao quản lý;

2. Tổ chức đào tạo và cấp giấy xác nhận đã qua tập huấn về kỹ thuật đo, kiểm tra, giám sát môi trường lao động, sức khỏe lao động, bệnh nghề nghiệp cho nhân viên của các đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động;

3. Phối hợp xem xét hồ sơ công bố của các đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động khi có yêu cầu;

4. Xây dựng chương trình tập huấn về kỹ thuật giám sát, kiểm soát các yếu tố có nguy cơ trong môi trường lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

Điều 17. Trách nhiệm của Cục Quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp trên phạm vi toàn quốc;

2. Lập danh mục các đơn vị đủ điều kiện thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế;

3. Kiểm tra, phối hợp thanh tra hoạt động của các đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động trên phạm vi toàn quốc;



vị quản lý y tế Bộ, ngành đối với trường hợp cơ sở lao động thuộc quyền quản lý của Bộ, ngành.

3. Hồ sơ quản lý sức khỏe và bệnh tật người lao động, hồ sơ cá nhân bệnh nghề nghiệp, hồ sơ cấp cứu tai nạn lao động được lưu giữ tại cơ sở lao động cho đến khi người lao động thôi việc, nghỉ hưu hoặc khi chuyển đến cơ sở lao động khác.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Hằng quý, trước ngày 20 của tháng cuối quý, cơ sở lao động hoàn chỉnh và gửi Báo cáo hoạt động y tế của cơ sở theo Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư này về Trung tâm Y tế hoặc Trung tâm Y tế dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm Y tế huyện) và đơn vị quản lý y tế Bộ, ngành đối với trường hợp cơ sở lao động thuộc quyền quản lý của Bộ, ngành;

2. Trước ngày 25 tháng 6 và ngày 25 tháng 12 hằng năm, Trung tâm Y tế huyện, tổng hợp và báo cáo cho đơn vị quản lý về sức khỏe lao động và môi trường tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Phụ lục số 9;

3. Trước ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hằng năm, đơn vị quản lý về bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị quản lý y tế các Bộ, ngành tổng hợp báo cáo tình hình quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp địa phương và Bộ, ngành thuộc thẩm quyền quản lý và gửi về Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế), theo Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của người lao động

1. Tham gia đầy đủ các đợt khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp do người sử dụng lao động tổ chức;

2. Tuân theo các chỉ định khám và điều trị của bác sĩ.

Điều 11. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế huyện hoặc đơn vị quản lý về sức khỏe lao động môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị quản lý y tế Bộ, ngành tổ chức lập hồ sơ vệ sinh lao động, lập kế hoạch đo, kiểm tra môi trường lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp (nếu có) cho người lao động;



BYT ngày 10/11/2006 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám bệnh nghề nghiệp;

c) Lập và lưu giữ hồ sơ quản lý bệnh nghề nghiệp theo Biểu mẫu số 7, 8 của Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này; và lưu trữ cho đến khi người lao động thôi việc, nghỉ hưu hoặc khi chuyển đến cơ sở lao động khác.

4. Cấp cứu tai nạn lao động:

a) Xây dựng phương án xử lý cấp cứu tai nạn lao động bao gồm cả việc trang bị các phương tiện cấp cứu phù hợp với tổ chức và hoạt động của cơ sở lao động;

b) Hàng năm tổ chức tập huấn cho đối tượng an toàn vệ sinh viên và người lao động các phương pháp sơ cấp cứu theo hướng dẫn nội dung tại Phụ lục số 1 về danh mục nội dung huấn luyện về vệ sinh lao động, cấp cứu ban đầu cho người lao động được ban hành kèm theo Thông tư số 09/2000/TT - BYT ngày 28/4/2000 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa và Thông tư số 37/2005/TT - BLĐTBXH ngày 29/12/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động;

c) Lập hồ sơ cấp cứu đối với mọi trường hợp tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở lao động theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này và lưu trữ cho đến khi người lao động thôi việc, nghỉ hưu hoặc khi chuyển đến cơ sở lao động khác.

5. Các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được giám định y khoa để xác định mức độ suy giảm khả năng lao động theo quy định hiện hành.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Điều 6. Điều kiện đối với đơn vị đo kiểm tra môi trường lao động

1. Điều kiện về cơ sở vật chất: Đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động phải có trụ sở bao gồm tối thiểu các bộ phận sau: Bộ phận hành chính và tiếp nhận hồ sơ, bộ phận xét nghiệm bụi và yếu tố vật lý, bộ phận xét nghiệm hóa chất - độc chất; bộ phận xét nghiệm vi sinh và bộ phận đánh giá tâm sinh lý lao động và ec-gô-nô-mi;

2. Điều kiện về trang thiết bị: Thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Điều kiện về nhân sự: Nhân viên của đơn vị thực hiện việc đo kiểm tra môi trường lao động phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với loại hình xét



âm, tốc độ gió); vật lý (bức xạ nhiệt, ánh sáng, tiếng ồn, rung, phóng xạ, điện từ trường), bụi; hóa học; vi sinh vật gây bệnh; tâm sinh lý lao động và éc-gô-nô-mi; và các yếu tố khác trong môi trường lao động.

3. *Bệnh nghề nghiệp* là bệnh phát sinh do điều kiện lao động, sản xuất có hại của nghề nghiệp tác động đối với sức khỏe người lao động.

4. *Đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động* là các đơn vị có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, năng lực cán bộ và trang thiết bị thực hiện hoạt động đo, kiểm tra môi trường lao động (sau đây gọi chung là đơn vị đo, kiểm tra môi trường lao động).

5. *Đơn vị quản lý về sức khỏe người lao động và môi trường tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Bộ, ngành* là Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường hoặc Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các tỉnh không thành lập Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường) và đơn vị được giao trách nhiệm quản lý công tác y tế của Bộ, ngành (sau đây gọi tắt là y tế Bộ, ngành).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Mọi cơ sở lao động đều phải lập và định kỳ bổ sung hồ sơ quản lý về vệ sinh lao động, hồ sơ quản lý sức khỏe cho người lao động và bệnh nghề nghiệp.

2. Việc đo, kiểm tra môi trường lao động phải được thực hiện bởi đơn vị có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Việc quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp được thực hiện trên cơ sở phân cấp và kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ.

Chương II

QUẢN LÝ VỆ SINH LAO ĐỘNG, SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Nội dung quản lý vệ sinh lao động

1. Lập hồ sơ vệ sinh lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Phần I. Tình hình chung của cơ sở lao động, bao gồm các thông tin cơ bản về: Tổ chức, biên chế; quy mô và nhiệm vụ; tóm tắt các quy trình công nghệ đang sử dụng; vệ sinh môi trường xung quanh, vệ sinh môi trường lao động; tổ chức y tế của cơ sở lao động; thống kê danh mục máy, thiết bị và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động;

b) Phần II. Vệ sinh lao động các bộ phận của cơ sở lao động;



11	Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động									
	- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Triệu đồng								
	- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	-nt-								
	- Trang bị PTBVVN	-nt-								
	- Chăm sóc sức khỏe người lao động	-nt-								
	- Tuyên truyền, huấn luyện	-nt-								
	- Chi khác	-nt-								

.....ngày..... tháng.....năm

Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
(Ký tên, đóng dấu)



6	Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động									
	- Tổng số NSDLĐ được huấn luyện/ Tổng số NSDLĐ hiện có	Người/ người								
	- Tổng số cán bộ ATVSLĐ được huấn luyện/Tổng số cán bộ hiện có	Người/ người								
	- Tổng số ATVSV được huấn luyện/ Tổng số ATVSV hiện có	Người/ người								
	- Số NLD được cấp thẻ an toàn/ Tổng số người làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	Người/ người								
	- Tổng số NLD được huấn luyện	Người								
	- Tổng chi phí huấn luyện	Triệu đồng								
7	Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ:									
	- Tổng số	Cái								
	- Số đã được đăng ký	Cái								
	- Số đã được kiểm định	Cái								



	2.2. Lao động trực tiếp	Người								
	Trong đó: + Lao động nữ	Người								
	+ Lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV, V, VI)	Người								
3	Tai nạn lao động									
	- Tổng số vụ:	Vụ								
	Trong đó, số vụ có người chết	Vụ								
	- Tổng số người bị TNLĐ	Người								
	Trong đó: Số người chết	Người								
	- Tổng chi phí cho TNLĐ	Triệu đồng								
	- Thiệt hại do tai nạn lao động (tính bằng tiền)	Triệu đồng								
	- Số ngày công nghỉ vì TNLĐ	Ngày								



- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/Công ty 100% vốn nước ngoài
- Công ty hợp danh
- Hợp tác xã...
- Khác

- Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý (4):

- Ghi tên Công ty mẹ hoặc tập đoàn kinh tế, nếu là doanh nghiệp thành viên trong nhóm công ty;
- Ghi tên Tổng Công ty, nếu là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty;
- Ghi tên Sở, Ban, Ngành, nếu trực thuộc Sở Ban ngành tại địa phương;
- Ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ quản, nếu trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Không ghi gì nếu không thuộc các loại hình trên.



5	Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động		
	- Tổng số người sử dụng lao động được huấn luyện/tổng số người sử dụng lao động hiện có	Người/ người	
	- Tổng số cán bộ an toàn - vệ sinh lao động được huấn luyện/Tổng số cán bộ an toàn - vệ sinh lao động hiện có	Người/ người	
	- Tổng số an toàn- vệ sinh viên được huấn luyện/ Tổng số ATVSV hiện có	Người/ người	
	- Số người lao động được cấp thẻ an toàn/Tổng số người lao động làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động	Người/ người	
	- Tổng số người lao động được huấn luyện	Người	
	- Tổng chi phí huấn luyện: (Chi phí này nằm trong Chi phí tuyên truyền, huấn luyện nêu tại Điểm 10)	Triệu đồng	
6	Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ		
	- Tổng số	Cái	
	- Trong đó: + Số đã được đăng ký	Cái	
	+ Số đã được kiểm định	Cái	
7	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi		
	- Số giờ làm thêm bình quân/ngày, người	Giờ	
	- Số ngày làm thêm bình quân/6 tháng (hoặc cả năm)/1 người	Ngày	
8	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật		
	- Tổng số người	Người	
	- Tổng chi phí (Chi phí này nằm trong Chi phí chăm sóc sức khỏe nêu tại Điểm 10)	Triệu đồng	



Phụ lục số 4

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT- BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế)

ĐỊA PHƯƠNG:.....

DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ:.....

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố.....

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Kỳ báo cáo:.....năm.....

Tên ¹:.....

Ngành nghề sản xuất kinh doanh²:.....

Loại hình ³:.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý⁴:.....

Địa chỉ: (số nhà, đường phố, quận, huyện, thị xã).....

TT	Các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo	ĐVT	Số liệu
1	Lao động		
	1.1. Tổng số lao động	Người	
	- Trong đó: Tổng số lao động nữ	Người	
	1.2. Số Lao động trực tiếp	Người	
	- Trong đó: + Tổng số lao động nữ	Người	
	+ Lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV, V, VI)	Người	



- Cấp kiểm tra phải có kế hoạch phúc tra việc thực hiện kiến nghị đối với cơ sở lao động; tổng hợp những nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của mình đối với cấp dưới và giao cho các bộ phận giúp việc tổ chức thực hiện.

g) Thời hạn tự kiểm tra ở cấp doanh nghiệp và cấp phân xưởng.

Tuỳ theo tính chất sản xuất kinh doanh, người sử dụng lao động quy định các hình thức tự kiểm tra và thời hạn tự kiểm tra ở cấp doanh nghiệp và cấp phân xưởng. Tuy nhiên, định kỳ tự kiểm tra toàn diện phải được tiến hành ít nhất 6 tháng/ 1 lần ở cấp doanh nghiệp và 3 tháng/1 lần ở cấp phân xưởng.

h) Tự kiểm tra ở tổ sản xuất:

Việc tự kiểm tra ở tổ phải tiến hành vào đầu giờ làm việc hàng ngày và trước khi bắt đầu vào một công việc mới, vì vậy cần phải được làm nhanh, gọn theo trình tự sau đây:

- Mỗi cá nhân trong tổ, vào đầu giờ làm việc hàng ngày có nhiệm vụ quan sát tình trạng an toàn - vệ sinh lao động của máy, thiết bị, điện, mặt bằng sản xuất, dụng cụ phương tiện phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phương tiện cấp cứu sự cố v.v... và báo cáo tổ trưởng những thiếu sót hoặc các nguy cơ gây tai nạn lao động hoặc ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ (nếu có);

- Tổ trưởng sau khi nhận được các thông tin về tình trạng mất an toàn có nhiệm vụ kiểm tra lại các tồn tại được tổ viên phát hiện, hướng dẫn hoặc bàn bạc với công nhân trong tổ các biện pháp loại trừ để tránh xảy ra tai nạn lao động;

- Đối với những nguy cơ mà tổ không có khả năng tự giải quyết được thì phải thực hiện các biện pháp tạm thời để phòng tránh xảy ra tai nạn lao động, sau đó ghi vào sổ kiến nghị và báo cáo ngay với quản đốc phân xưởng để được giải quyết.

k) Lập sổ kiến nghị và sổ ghi biên bản kiểm tra về an toàn lao động-vệ sinh lao động:

- Sổ kiến nghị và sổ ghi biên bản kiểm tra về an toàn - vệ sinh lao động là hồ sơ gốc của hoạt động tự kiểm tra an toàn - vệ sinh lao động, là chế độ công tác của cán bộ quản lý sản xuất các cấp để thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra đôn đốc cũng như tranh thủ sự đóng góp phản ánh của cấp dưới về tình hình an toàn và vệ sinh lao động, là hồ sơ theo dõi việc giải quyết các thiếu sót tồn tại. Vì vậy, việc lập sổ kiến nghị và sổ ghi biên bản kiểm tra là yêu cầu bắt buộc ở mọi cấp trong doanh nghiệp;

- Sổ kiến nghị và sổ ghi biên bản kiểm tra về an toàn và vệ sinh lao động phải được đóng dấu giáp lai và quản lý, lưu giữ theo chế độ quản lý tài liệu hiện hành để truy cứu khi cần thiết;



Phụ lục số 3

NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ TỔ CHỨC TỰ KIỂM TRA

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT- BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế)

1. Nội dung kiểm tra

- a) Việc thực hiện các quy định về an toàn - vệ sinh lao động như: khám sức khoẻ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bồi dưỡng bằng hiện vật, khai báo, điều tra, thống kê tai nạn lao động...;
- b) Hồ sơ, sổ sách, nội quy, quy trình và biện pháp an toàn, sổ ghi biên bản kiểm tra, sổ ghi kiến nghị;
- c) Việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, biện pháp an toàn đã ban hành;
- d) Tình trạng an toàn, vệ sinh của các máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng và nơi làm việc như: Che chắn tại các vị trí nguy hiểm, độ tin cậy của các cơ cấu an toàn, chống nóng, chống bụi, chiếu sáng, thông gió, thoát nước...;
- đ) Việc sử dụng, bảo quản trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy, phương tiện cấp cứu y tế;
- e) Việc thực hiện các nội dung của kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động;
- g) Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra;
- h) Việc quản lý, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và việc kiểm soát các yếu tố nguy hiểm có hại;
- i) Kiến thức an toàn - vệ sinh lao động, khả năng xử lý sự cố và sơ cứu, cấp cứu của người lao động;
- k) Việc tổ chức ăn uống bồi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ người lao động;
- l) Hoạt động tự kiểm tra của cấp dưới, việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về an toàn - vệ sinh lao động của người lao động;
- m) Trách nhiệm quản lý công tác an toàn - vệ sinh lao động và phong trào quần chúng về an toàn - vệ sinh lao động.
- n) Các nội dung khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

2. Hình thức kiểm tra

- a) Kiểm tra tổng thể các nội dung về an toàn - vệ sinh lao động có liên quan đến quyền hạn của cấp kiểm tra;



Phụ lục số 2

NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT- BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế)

1. Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ

- a) Chế tạo, sửa chữa, mua sắm các thiết bị, bộ phận, dụng cụ nhằm mục đích che, chắn, hãm, đóng, mở các máy, thiết bị, bộ phận, công trình, khu vực nguy hiểm, có nguy cơ gây sự cố, tai nạn lao động;
- b) Các giá đỡ nguyên vật liệu, thành phẩm;
- c) Hệ thống chống sét, chống rò điện;
- d) Các thiết bị báo động bằng màu sắc, ánh sáng, tiếng động...
- đ) Đặt biển báo;
- đ) Mua sắm, sản xuất các thiết bị, trang bị phòng cháy, chữa cháy;
- e) Tổ chức lại nơi làm việc phù hợp với người lao động;
- g) Di chuyển các bộ phận sản xuất, kho chứa các chất độc hại, dễ cháy nổ ra xa nơi có nhiều người qua lại;
- h) Kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động;
- i) Các biện pháp khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

2. Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ môi trường:

- a) Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc;
- b) Nâng cấp, hoàn thiện làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền;
- b) Xây dựng, cải tạo nhà tắm;
- c) Lắp đặt máy giặt, máy tẩy chất độc;
- d) Đo đạc các yếu tố môi trường lao động;
- đ) Thực hiện việc xử lý chất thải nguy hại;
- e) Nhà vệ sinh;



a) Hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra đôn đốc người lao động thuộc quyền quản lý chấp hành đúng quy trình, biện pháp làm việc an toàn; quản lý sử dụng tốt phương tiện bảo vệ cá nhân, thiết bị an toàn và thiết bị cấp cứu y tế;

b) Tổ chức nơi làm việc bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động; kết hợp với an toàn - vệ sinh viên thực hiện tốt việc tự kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ đe dọa đến an toàn và sức khỏe phát sinh trong quá trình lao động sản xuất;

c) Báo cáo kịp thời với cấp trên mọi hiện tượng thiếu an toàn - vệ sinh lao động trong sản xuất mà tổ không giải quyết được và các trường hợp xảy ra tai nạn lao động, sự cố thiết bị để có biện pháp giải quyết kịp thời;

d) Kiểm điểm đánh giá tình trạng an toàn - vệ sinh lao động và việc chấp hành các quy định về an toàn - vệ sinh lao động trong các kỳ họp kiểm điểm tình hình lao động sản xuất của tổ;

đ) Tổ trưởng sản xuất có quyền từ chối nhận người không có đủ trình độ chuyên môn và kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động vào làm việc; từ chối nhận công việc hoặc dừng công việc của tổ nếu thấy có nguy cơ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của tổ viên và báo cáo kịp thời với cấp trên để xử lý.

3. Nhiệm vụ của Phòng hoặc Ban kế hoạch hoặc cán bộ phụ trách công tác kế hoạch

a) Tổng hợp các yêu cầu về nguyên vật liệu, nhân lực và kinh phí của kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động, đưa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh (hoặc kế hoạch công tác) của cơ sở lao động và tổ chức thực hiện;

b) Phối hợp với bộ phận an toàn - vệ sinh lao động theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện các nội dung công việc đã đề ra trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động, bảo đảm cho kế hoạch được thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ.

4. Nhiệm vụ của Phòng hoặc ban kỹ thuật và cơ điện hoặc cán bộ kỹ thuật, cán bộ cơ điện

a) Nghiên cứu cải tiến trang thiết bị, hợp lý hoá sản xuất và các biện pháp về kỹ thuật an toàn, kỹ thuật vệ sinh để đưa vào kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động; hướng dẫn, giám sát thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn, kỹ thuật vệ sinh và cải thiện điều kiện làm việc;

b) Biên soạn, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các quy trình, biện pháp làm việc an toàn đối với các máy, thiết bị, hoá chất và từng công việc, các phương án ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố; tham gia biên soạn tài liệu giảng dạy về an toàn - vệ sinh lao động cho người lao động và phối hợp với bộ phận an toàn - vệ sinh lao động huấn luyện cho người lao động tại cơ sở lao động.

c) Tham gia việc kiểm tra định kỳ về an toàn - vệ sinh lao động và tham gia điều tra tai nạn lao động có liên quan đến kỹ thuật an toàn;



Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế để nghiên cứu giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Trịnh Quân Huấn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bùi Hồng Lĩnh

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các Hội, đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH; Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT của Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế;
- Lưu: VT Bộ LĐTBXH, VT Bộ Y tế, Cục ATLĐ, Cục QLMTYT, Vụ PC - Bộ Y tế.



tốt chương trình, kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động.

4. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong công tác an toàn - vệ sinh lao động theo quy định hiện hành, cụ thể:

a) Hằng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của cơ sở lao động thì phải lập và phê duyệt kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động;

b) Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động;

c) Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ sở lao động; phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn- vệ sinh viên;

d) Xây dựng, rà soát nội quy, quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phù hợp với từng loại máy, thiết bị, vật tư (kể cả khi đổi mới công nghệ, máy, thiết bị, vật tư) và nơi làm việc;

đ) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động;

e) Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám bệnh nghề nghiệp (nếu có) cho người lao động;

g) Tổ chức giám định tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động sau khi đã được điều trị ổn định;

h) Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động, công tác huấn luyện, đăng ký, kiểm định.

5. Phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức phát động phong trào quần chúng thực hiện an toàn - vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường ở cơ sở lao động.

Điều 21. Nhiệm vụ của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn - vệ sinh lao động

1. Thay mặt người lao động tham gia xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể trong đó có các điều khoản về an toàn - vệ sinh lao động.

2. Tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động, người sử dụng lao động thực hiện tốt các quy định của pháp luật về an toàn - vệ sinh lao động; chấp hành quy chuẩn, tiêu chuẩn, các biện pháp làm việc an toàn và phát hiện kịp thời những hiện tượng thiếu an toàn, vệ sinh trong sản xuất, đấu tranh với những hiện tượng làm bừa, làm ẩu, vi phạm quy trình kỹ thuật an toàn.



- d) Chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp;
- d) Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động.

5. Tùy theo tình hình và điều kiện cụ thể, cơ sở lao động xây dựng nội dung chi tiết kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động hằng năm cho phù hợp theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động

1. Ngay sau khi kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động được phê duyệt, các cán bộ, phòng, ban được người sử dụng lao động giao nhiệm vụ phải phối hợp với bộ phận an toàn - vệ sinh lao động và bộ phận y tế để tổ chức triển khai, đồng thời đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm định kỳ tổ chức kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động và thông báo kết quả thực hiện cho người lao động trong cơ sở lao động biết.

Chương IV

TỰ KIỂM TRA AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 17. Tự kiểm tra về an toàn - vệ sinh lao động

1. Người sử dụng lao động phải quy định và tổ chức thực hiện công tác tự kiểm tra về an toàn - vệ sinh lao động trong cơ sở lao động.

2. Nội dung, hình thức và thời hạn tự kiểm tra cụ thể do người sử dụng lao động chủ động quyết định theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này, nhưng phải bảo đảm việc kiểm tra toàn diện được tiến hành ít nhất 6 tháng/lần ở cấp cơ sở lao động và 3 tháng/1 lần ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

3. Đối với nhóm công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì các quy định về tự kiểm tra được áp dụng cho từng công ty trong nhóm.

Chương V

THỐNG KÊ, BÁO CÁO, SƠ KẾT, TỔNG KẾT

Điều 18. Thống kê, báo cáo

1. Cơ sở lao động phải mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo theo quy định hiện hành. Các số liệu thống kê phải được lưu giữ ít nhất là 5 năm ở cấp phân xưởng và 10 năm ở cơ sở lao động để làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn - vệ sinh lao động ở cơ sở lao động.



những hiện tượng thiếu an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

Điều 12. Quyền hạn của an toàn - vệ sinh viên

1. Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn - vệ sinh viên; riêng đối với an toàn - vệ sinh viên trong tổ sản xuất được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ đó và được hưởng phụ cấp trách nhiệm như tổ trưởng sản xuất.

2. Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động.

3. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động do công đoàn và người sử dụng lao động phối hợp tổ chức.

Điều 13. Tổ chức hội đồng bảo hộ lao động

1. Cơ sở lao động có tổng số lao động trực tiếp trên 1.000 người thì phải thành lập Hội đồng bảo hộ lao động. Đối với các cơ sở lao động khác thì có thể thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, nếu thấy cần thiết và đủ điều kiện để hoạt động.

2. Hội đồng bảo hộ lao động ở cơ sở lao động là tổ chức phối hợp, tư vấn về các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động ở cơ sở lao động và để bảo đảm quyền được tham gia và kiểm tra giám sát về công tác bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn.

3. Số lượng thành viên Hội đồng bảo hộ lao động tùy thuộc vào số lượng lao động và quy mô của cơ sở nhưng phải bảo đảm các quy định sau:

a) Đại diện người sử dụng lao động làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện người lao động nơi chưa có tổ chức công đoàn làm Phó chủ tịch Hội đồng;

c) Trưởng bộ phận hoặc cán bộ an toàn - vệ sinh lao động của cơ sở là ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng; nếu cán bộ an toàn - vệ sinh lao động là hợp đồng thuê từ tổ chức khác thì ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng sẽ do người sử dụng lao động chỉ định

Tùy đặc điểm, điều kiện thực tế của cơ sở lao động, Hội đồng bảo hộ lao động có thể có thêm các thành viên khác có liên quan nhưng số lượng không được vượt quá 09 người.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng bảo hộ lao động

1. Tham gia, tư vấn với người sử dụng lao động và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động và các biện pháp an toàn - vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp của cơ sở lao động;



d) Xây dựng các tình huống sơ cấp cứu thực tế tại cơ sở; chuẩn bị sẵn sàng các phương án và tình huống cấp cứu tai nạn lao động tại cơ sở nhằm bảo đảm sơ cấp cứu có hiệu quả trong trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn;

e) Kiểm tra việc chấp hành điều lệ vệ sinh, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người lao động tại cơ sở lao động; phối hợp với bộ phận an toàn - vệ sinh lao động để triển khai thực hiện đo, kiểm tra, giám sát các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động, hướng dẫn các phân xưởng và người lao động thực hiện các biện pháp vệ sinh lao động;

g) Xây dựng kế hoạch điều dưỡng và phục hồi chức năng cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có kết quả khám sức khỏe định kỳ là loại IV, loại V hoặc mắc bệnh nghề nghiệp;

h) Định kỳ hằng năm tổ chức huấn luyện cho người lao động về ảnh hưởng của các yếu tố có hại phát sinh trong môi trường lao động đến sức khỏe và các biện pháp dự phòng các bệnh có liên quan đến yếu tố nghề nghiệp; các biện pháp sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động thông thường tại nơi làm việc;

i) Hằng năm kiểm tra, giám sát môi trường lao động; quản lý hồ sơ vệ sinh lao động của cơ sở; đề xuất các khuyến nghị và biện pháp cải thiện điều kiện lao động và nâng cao sức khỏe cho người lao động;

k) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật (cơ cấu định lượng hiện vật, cách thức tổ chức bồi dưỡng) cho những người làm việc trong điều kiện lao động có hại đến sức khỏe;

l) Tham gia hoàn chỉnh các thủ tục để giám định tổn hại sức khỏe, thương tật cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động;

m) Phối hợp và nhận sự chỉ đạo của cơ quan y tế địa phương hoặc y tế Bộ, ngành (nếu có) để quản lý sức khỏe của người lao động; tiếp nhận và thực hiện đầy đủ chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của y tế địa phương và y tế Bộ, ngành;

n) Thực hiện các báo cáo định kỳ về quản lý sức khỏe, bệnh nghề nghiệp của người lao động đối với cơ quan y tế địa phương và y tế Bộ, ngành (nếu có).

Điều 9. Quyền hạn của bộ phận y tế

1. Tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất, sơ kết, tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động;

2. Tham dự các cuộc họp về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập và duyệt các đề án thiết kế, thi công, nghiệm thu và tiếp nhận đưa vào sử dụng nhà xưởng, máy, thiết bị để tham gia ý kiến về lĩnh vực an toàn và vệ sinh lao động;



- Xây dựng kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động hằng năm và đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch; đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp;
 - Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn - vệ sinh lao động của Nhà nước, của cơ sở lao động trong phạm vi cơ sở lao động;
 - Tổ chức huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động cho người lao động;
 - Kiểm tra về an toàn - vệ sinh lao động theo định kỳ ít nhất 1 tháng/1 lần các bộ phận sản xuất và những nơi có các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
 - Kiểm tra môi trường lao động, an toàn thực phẩm (nếu đơn vị tổ chức bữa ăn công nghiệp); theo dõi tình hình thương tật, bệnh tật phát sinh do nghề nghiệp; đề xuất với người sử dụng lao động các biện pháp quản lý, chăm sóc sức khỏe lao động.
- b) Đề xuất, tham gia kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn - vệ sinh lao động trong phạm vi cơ sở lao động theo quy định tại Điều 17 Thông tư này;
- c) Đề xuất với người sử dụng lao động biện pháp khắc phục các tồn tại về an toàn - vệ sinh lao động.

Điều 6. Quyền hạn của bộ phận an toàn - vệ sinh lao động

1. Yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc hoặc có thể quyết định việc tạm đình chỉ công việc (trong trường hợp khẩn cấp) khi phát hiện các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động để thi hành các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, đồng thời phải báo cáo người sử dụng lao động về tình trạng này.
2. Đình chỉ hoạt động của máy, thiết bị không bảo đảm an toàn hoặc đã hết hạn sử dụng.
3. Tham gia điều tra, thống kê, báo cáo và quản lý các vụ tai nạn lao động theo quy định pháp luật hiện hành.
4. Tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất, sơ kết, tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động.
5. Tham gia góp ý về lĩnh vực an toàn - vệ sinh lao động tại các cuộc họp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong việc lập và duyệt các đề án thiết kế, thi công, nghiệm thu, trong việc tổ chức tiếp nhận và đưa vào sử dụng nhà xưởng, máy, thiết bị.
6. Tổng hợp và đề xuất với người sử dụng lao động giải quyết các đề xuất,



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động
trong cơ sở lao động**

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về an toàn và vệ sinh lao động; Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/CP;

Sau khi có ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, Liên bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động trong cơ sở lao động như sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tổ chức bộ máy, phân định trách nhiệm, lập kế hoạch, tự kiểm tra, thống kê, báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác an toàn - vệ sinh lao động trong cơ sở lao động.

2. Thông tư này áp dụng đối với tất cả các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở có sử dụng lao động (sau đây gọi tắt là cơ sở lao động) hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, trừ các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức phi chính phủ khác đóng trụ sở tại Việt Nam.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí để thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí sản xuất kinh doanh của cơ sở lao động và là chi phí hợp lý khi tính thuế, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ sở lao động theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.



kiện hoạt động kiểm định hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đã hết hiệu lực; sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo, sai sự thật để đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

8. Phạt tiền từ 2.000.000 đến 4.000.000 đồng đối với kiểm định viên có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy trình kiểm định đã công bố hoặc do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Thực hiện kiểm định khi chưa có chứng chỉ kiểm định viên hoặc chứng chỉ kiểm định viên hết hiệu lực hoặc ngoài phạm vi ghi trong chứng chỉ.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động huấn luyện từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động có hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động từ 01 tháng đến 06 tháng đối với tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động có hành vi vi phạm quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 6 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động kiểm định từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức hoạt động dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 7 của Điều này;

d) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động từ 01 tháng đến 06 tháng đối với tổ chức hoạt động dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có hành vi vi phạm quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 7 Điều này;

đ) Tước quyền sử dụng chứng chỉ kiểm định viên từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả người lao động khoản bồi dưỡng bằng hiện vật được quy thành tiền theo mức quy định đối với hành vi vi phạm về bồi dưỡng bằng hiện vật quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Buộc trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân đạt tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng cho người làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại đối với hành vi vi phạm về trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều này;

c) Buộc ngừng sử dụng máy, thiết bị, nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;



- e) Không tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định;
- g) Không tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định;
- h) Không bố trí công việc phù hợp với sức khỏe người lao động bị bệnh nghề nghiệp, bị tai nạn lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa;
- i) Không thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng khi hết giờ làm việc.

4. Phạt tiền người sử dụng lao động có một trong các hành vi: Không trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân hoặc có trang bị nhưng không đạt tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách theo quy chuẩn kỹ thuật đối với người làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại; không thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại; trả tiền thay cho việc bồi dưỡng bằng hiện vật theo một trong các mức sau đây:

- a) Từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng với vi phạm từ 01 người đến 10 người lao động;
- b) Từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với vi phạm từ 11 người đến 50 người lao động;
- c) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng với vi phạm từ 51 người đến 100 người lao động;
- d) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với vi phạm từ 101 người đến 300 người lao động;
- đ) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với vi phạm từ 301 người lao động trở lên.

5. Phạt tiền người sử dụng lao động vi phạm các quy định về sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như sau:

- a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan có thẩm quyền việc kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;
- b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không khai báo trước khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;
- c) Từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã thực hiện kiểm định nhưng kết quả kiểm định không đạt yêu cầu;
- d) Từ 02 đến 03 lần tổng giá trị phí kiểm định máy, thiết bị vật tư vi phạm.

6. Phạt tiền tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động vi phạm quy định về hoạt động huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động như sau:



g) Không trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, y tế thích hợp để bảo đảm ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động;

h) Không cử người có chuyên môn phù hợp làm cán bộ chuyên trách về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở những cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực có nhiều nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

i) Không phân loại lao động theo danh mục công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để thực hiện các chế độ theo quy định;

k) Không khai báo, điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng;

l) Không thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế; không thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định đối với người lao động không tham gia bảo hiểm y tế;

m) Không thực hiện chế độ trợ cấp, bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc người sử dụng lao động lập phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nơi làm việc của người lao động khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động khi có hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

b) Thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động đã công bố áp dụng về đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này;

c) Buộc người sử dụng lao động trang bị các phương tiện kỹ thuật, y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này;

d) Buộc người sử dụng lao động thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế; thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định đối với người lao động không tham gia bảo hiểm y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều này;

đ) Buộc trả trợ cấp, bồi thường cho người lao động cộng với khoản tiền tính theo lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xử phạt của số tiền trợ cấp, bồi thường đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm m Khoản 2 Điều này.



1. Mức phạt tiền quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II, Chương III và Chương IV của Nghị định này là mức phạt đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4, Khoản 2, Khoản 4 và Khoản 6 Điều 9, Khoản 6 và Khoản 7 Điều 17 và các điều từ Điều 29 đến Điều 34 Nghị định này. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Chương VI của Nghị định này là thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức bằng 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Chương 2.

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG

Điều 14. Vi phạm quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi không bảo đảm cho người lao động nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ chuyển ca, nghỉ về việc riêng, nghỉ không hưởng lương đúng quy định.

2. Phạt tiền người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định về nghỉ hằng tuần, nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết theo các mức sau đây:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng với vi phạm từ 01 người đến 10 người lao động;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng với vi phạm từ 11 người đến 50 người lao động;

c) Từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng với vi phạm từ 51 người đến 100 người lao động;

d) Từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với vi phạm từ 101 người đến 300 người lao động;

đ) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng với vi phạm từ 301 người lao động trở lên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện thời giờ làm việc bình thường quá số giờ làm việc theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật lao động;

b) Huy động người lao động làm thêm giờ mà không được sự đồng ý của người lao động, trừ trường hợp theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật lao động.



Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.
2. Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động; Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động; Điều 2 Nghị định số 81/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội và Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.
3. Các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động quy định tại Nghị định này được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân, trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến từng đối tượng này có quy định khác.

Điều 27. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng



Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 25. Quản lý nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động, có trách nhiệm:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan lập Hồ sơ quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo thông lệ quốc tế;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

d) Hướng dẫn và quản lý việc tổ chức huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

đ) Hướng dẫn thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã có hoạt động sản xuất kinh doanh;

e) Đưa nội dung an toàn lao động, vệ sinh lao động vào chương trình giảng dạy trong các trường và cơ sở dạy nghề;

g) Thực hiện điều tra tai nạn lao động; phối hợp với Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra, xử lý tai nạn lao động có dấu hiệu tội phạm;

h) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

i) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản về chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại nghề, công việc;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, ban hành danh mục các loại bệnh nghề nghiệp;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các biện pháp bảo đảm vệ sinh lao động khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các



2. Liên tục trong 18 tháng không báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động kiểm định theo quy định pháp luật.

Điều 21. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Hết thời hạn đình chỉ hoạt động kiểm định mà không khắc phục được các nguyên nhân bị đình chỉ.

2. Bị xử phạt vi phạm hành chính 03 lần đối với 01 hành vi hoặc 03 lần trong một năm.

3. Tiến hành hoạt động kiểm định trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

4. Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại, bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận.

5. Sửa chữa nội dung Giấy chứng nhận.

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có quyền:

a) Thực hiện hoạt động kiểm định theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm định;

b) Được thu phí, giá dịch vụ theo quy định của pháp luật;

c) Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi cản trở hoạt động kiểm định;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có đối tượng đề nghị được kiểm định cung cấp các tài liệu, thông tin phục vụ hoạt động kiểm định;

đ) Có quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có trách nhiệm:

a) Cung cấp dịch vụ kiểm định trong phạm vi, đối tượng được quy định trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

b) Không được từ chối cung cấp dịch vụ kiểm định mà không có lý do chính đáng;

c) Thực hiện kiểm định theo quy trình kiểm định;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, bồi thường thiệt hại do hoạt động kiểm định gây ra theo quy định của pháp luật; phải thu hồi kết quả kiểm định đã cấp khi phát hiện sai phạm;

đ) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động kiểm định theo quy định của pháp luật;

e) Lưu giữ hồ sơ kiểm định;



a) Người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo ngay với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng làm bị thương từ 02 người lao động trở lên và sự cố nghiêm trọng;

b) Người sử dụng lao động có trách nhiệm điều tra tai nạn lao động nhẹ, tai nạn lao động nặng làm bị thương 01 người lao động, sự cố nghiêm trọng;

c) Thanh tra lao động có trách nhiệm điều tra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng làm bị thương từ 02 người lao động trở lên; điều tra lại tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng đã được người sử dụng lao động điều tra nếu có khiếu nại, tố cáo hoặc khi xét thấy cần thiết;

d) Trong quá trình điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng mà phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Thanh tra lao động, người sử dụng lao động phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề nghị chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự;

đ) Người sử dụng lao động phải mở sổ thống kê và định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lao động.

2. Việc thống kê, báo cáo bệnh nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Người sử dụng lao động phải lập hồ sơ sức khỏe đối với người lao động bị bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế, lao động;

b) Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết thủ tục, trình tự thống kê, báo cáo bệnh nghề nghiệp.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường, trợ cấp đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 14. Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại

Đối với nơi làm việc có các yếu tố nguy hiểm, có hại có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, người sử dụng lao động có trách nhiệm sau đây:

1. Kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại; đề ra các biện pháp loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm, có hại, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động;

2. Tổ chức đo lường các yếu tố có hại ít nhất 01 lần trong một năm; lập hồ sơ lưu giữ và theo dõi theo quy định pháp luật;

3. Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để bảo đảm ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động;

4. Xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức đội cấp cứu



Chương III AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 9. Xây dựng Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo từng giai đoạn 05 năm, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Hằng năm, căn cứ Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động đã được phê duyệt, dự toán của các Bộ, cơ quan và địa phương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Chương trình cùng với dự toán ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 10. Lập phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động thì chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải lập phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng mới, mở rộng, cải tạo công trình, cơ sở.

2. Phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Địa điểm, quy mô công trình, cơ sở phải nêu rõ khoảng cách từ công trình, cơ sở đến khu dân cư và các công trình khác;
- b) Liệt kê, mô tả chi tiết các hạng mục trong công trình, cơ sở;
- c) Nêu rõ những yếu tố nguy hiểm, có hại, sự cố có thể phát sinh trong quá trình hoạt động;
- d) Các biện pháp cụ thể nhằm loại trừ, giảm thiểu các yếu tố nguy hiểm, có hại; phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp.

Điều 11. Sử dụng người lao động cao tuổi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Việc sử dụng người lao động cao tuổi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:



- Các trường hợp khác phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn.

b) Khi tổ chức làm thêm giờ, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về lao động tại địa phương.

3. Thời gian nghỉ bù theo Điểm c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật lao động được quy định như sau:

a) Sau mỗi đợt làm thêm tối đa 07 ngày liên tục trong tháng, người sử dụng lao động phải bố trí để người lao động nghỉ bù số thời gian đã không được nghỉ;

b) Trường hợp không bố trí nghỉ bù đủ số thời gian thì phải trả lương làm thêm giờ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật lao động.

Mục 2

THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Điều 5. Nghỉ trong giờ làm việc

1. Thời gian nghỉ giữa giờ làm việc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 108 của Bộ luật lao động được coi là thời giờ làm việc áp dụng trong ca liên tục 08 giờ trong điều kiện bình thường hoặc 06 giờ trong trường hợp được rút ngắn. Thời điểm nghỉ cụ thể do người sử dụng lao động quyết định.

2. Ngoài thời giờ nghỉ ngơi trong ca làm việc bình thường được quy định tại Khoản 1 Điều này, người lao động làm việc trong ngày từ 10 giờ trở lên kể cả số giờ làm thêm thì được nghỉ thêm ít nhất 30 phút tính vào giờ làm việc.

Điều 6. Thời gian được coi là thời gian làm việc của người lao động để tính số ngày nghỉ hằng năm

1. Thời gian học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động theo cam kết trong hợp đồng học nghề, tập nghề.

2. Thời gian thử việc theo hợp đồng lao động sau đó làm việc cho người sử dụng lao động.

3. Thời gian nghỉ việc riêng có hưởng lương theo Khoản 1 Điều 116 của Bộ luật lao động.

4. Thời gian nghỉ việc không hưởng lương nếu được người sử dụng lao động đồng ý nhưng cộng dồn không quá 01 tháng.

5. Thời gian nghỉ do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng cộng dồn không quá 6 tháng.

6. Thời gian nghỉ do ốm đau nhưng cộng dồn không quá 02 tháng.



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều của bộ luật lao động về thời giờ làm việc,
thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động,

Chương I

PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi tại Nghị định này được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 của Bộ luật Lao động.

2. Các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động tại Nghị định này được áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Người lao động Việt Nam; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động;

b) Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình; cá nhân có liên quan.



dụng trong quá trình làm việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Phương tiện bảo vệ cá nhân phải đạt tiêu chuẩn về chất lượng.

Điều 150. Huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Người sử dụng lao động, người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động phải tham dự khóa huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, kiểm tra, sát hạch và cấp chứng chỉ, chứng nhận do tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động thực hiện.

2. Người sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động, người học nghề, tập nghề khi tuyển dụng và sắp xếp lao động; hướng dẫn quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người đến thăm quan, làm việc tại cơ sở thuộc phạm vi quản lý của người sử dụng lao động.

3. Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động phải tham dự khóa huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, kiểm tra sát hạch và được cấp chứng chỉ.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động; xây dựng chương trình khung công tác huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động; danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 151. Thông tin về an toàn lao động, vệ sinh lao động

Người sử dụng lao động phải thông tin đầy đủ về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động

Điều 152. Chăm sóc sức khỏe cho người lao động

1. Người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại công việc để tuyển dụng và sắp xếp lao động.

2. Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề; lao động nữ phải được khám chuyên khoa phụ sản, người làm công việc nặng nhọc, độc hại, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi phải được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần. .

3. Người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp phải được khám bệnh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Y tế.

4. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải được giám định



Điều 142. Tai nạn lao động

1. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

Quy định này được áp dụng đối với cả người học nghề, tập nghề và thử việc.

2. Người bị tai nạn lao động phải được cấp cứu kịp thời và điều trị chu đáo.

3. Tất cả các vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các sự cố nghiêm trọng tại nơi làm việc đều phải được khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê và báo cáo định kỳ theo quy định của Chính phủ.

Điều 143. Bệnh nghề nghiệp

1. Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.

Danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành sau khi lấy ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và tổ chức đại diện người sử dụng lao động.

2. Người bị bệnh nghề nghiệp phải được điều trị chu đáo, khám sức khỏe định kỳ, có hồ sơ sức khỏe riêng biệt.

Điều 144. Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế và thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định đối với người lao động không tham gia bảo hiểm y tế.

2. Trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị.

3. Bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật này.

Điều 145. Quyền của người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

2. Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà người sử dụng lao động chưa đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội, thì được người sử dụng lao động trả khoản tiền tương ứng với chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.



2. Người sử dụng lao động căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn lao động, vệ sinh lao động để xây dựng nội quy, quy trình làm việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với từng loại máy, thiết bị, nơi làm việc.

Điều 137. Bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc

1. Khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động thì chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải lập phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường.

2. Khi sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển các loại máy, thiết bị, vật tư, năng lượng, điện, hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, việc thay đổi công nghệ, nhập khẩu công nghệ mới phải được thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động hoặc tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc đã công bố, áp dụng.

Điều 138. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và các yếu tố đó phải được định kỳ kiểm tra, đo lường;

b) Bảo đảm các điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nhà xưởng đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động hoặc đạt các tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc đã được công bố, áp dụng;

c) Kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc của cơ sở để đề ra các biện pháp loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm, có hại, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động;

d) Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng;

đ) Phải có bảng chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nơi làm việc và đặt ở vị trí dễ đọc, dễ thấy tại nơi làm việc;

e) Lấy ý kiến tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở khi xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Người lao động có nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành các quy định, quy trình, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao;